

**Phụ lục V**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)*

**TỔNG CÔNG TY  
CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN  
TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
CẢNG BẾN NGHÉ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2018*

**Năm báo cáo 2017**

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm (từ năm 2015 đến năm 2017)
  - a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm (2015 - 2017)

| <b>THỰC HIỆN NĂM 2015</b>              |                     |                  |                      |
|--|---------------------|------------------|----------------------|
| <b>Nội dung</b>                        | <b>Kế hoạch năm</b> | <b>Thực hiện</b> | <b>Tỷ lệ % TH/KH</b> |
| <b>A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh</b> |                     |                  |                      |
| Sản lượng thông qua (TTQ)              | 4.350.000           | 5.267.259        | 121,09               |
| Trong đó:                              |                     |                  |                      |
| - Container (Teus)                     | 160.000             | 203.335          | 120,08               |
| <b>B. Chỉ tiêu tài chính (đồng)</b>    |                     |                  |                      |
| Tổng doanh thu                         | 258.577.000,000     | 342.242.614.181  | 132,36               |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế      | 45.307.000.000      | 58.348.513.002   | 128,78               |
| Phải nộp NS phát sinh                  | 20.296.000,000      | 49.659.261.820   | 244,68               |

| THỰC HIỆN NĂM 2016                     |                 |                 |               |
|--|-----------------|-----------------|---------------|
| Nội dung                               | Kế hoạch năm    | Thực hiện       | Tỷ lệ % TH/KH |
| <b>A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh</b> |                 |                 |               |
| Sản lượng thông qua (TTQ)              | 4.500.000       | 5.913.278       | 131,41        |
| Trong đó:                              |                 |                 |               |
| - Container (Teus)                     | 180.000         | 210.480         | 116,93        |
| <b>B. Chỉ tiêu tài chính (đồng)</b>    |                 |                 |               |
| Tổng doanh thu                         | 288.200.000.000 | 441.597.544.423 | 153,23        |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế      | 50.820.000.000  | 113.105.615.838 | 222,56        |
| Phải nộp NS phát sinh                  | 27.817.000.000  | 47.136.403.284  | 169,45        |

| THỰC HIỆN NĂM 2017                     |                 |                 |               |
|--|-----------------|-----------------|---------------|
| Nội dung                               | Kế hoạch năm    | Thực hiện       | Tỷ lệ % TH/KH |
| <b>A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh</b> |                 |                 |               |
| Sản lượng thông qua (TTQ)              | 4.750.000       | 5.955.204       | 125,37        |
| Trong đó:                              |                 |                 |               |
| - Container (Teus)                     | 195.000         | 305.757         | 156,80        |
| <b>B. Chỉ tiêu tài chính (đồng)</b>    |                 |                 |               |
| Tổng doanh thu                         | 450.000.000.000 | 407.914.476.813 | 90,65         |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế      | 116.500.000.000 | 126.028.398.889 | 108,18        |
| Phải nộp NS phát sinh                  | 36.688.000.000  | 47.118.281.646  | 128,43        |

b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm (2015 – 2017)

- Cảng Phú Hữu với nhiều thuận lợi như vị trí địa kinh tế, nhiều khách hàng có nhu cầu đưa tàu, hàng về nhưng lại gặp nhiều khó khăn về giao thông vận tải, điều này đã ảnh hưởng nhiều đến hoạt động khai thác kinh doanh của cảng trong thời gian đầu. Trong năm 2014, với mục đích lấy hiệu quả làm trọng tâm, Công ty thực hiện chủ trương đã được Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận về việc hợp tác kinh doanh với đối tác chiến lược là Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn và Công ty TNHH Sài Gòn Container để khai thác kinh doanh Cảng Phú Hữu, Quận 9. Công ty tiếp tục thực hiện tiến độ hợp tác với các đối tác này trong các năm tiếp theo.

- Đầu tư hệ thống xử lý nước thải trong năm 2015, trị giá 814 triệu đồng.

- Sửa chữa bãi, kho hàng, nạo vét khu nước trong năm 2015: 10,1 tỷ đồng.

- Sửa chữa duy tu bãi K15C chu kỳ, thực hiện theo kế hoạch 02 năm 2015-2016: 12,9 tỷ đồng.

- Năm 2016: Đầu tư các phương tiện xếp dỡ mới (xe nâng, xe đầu kéo): 24,5 tỷ đồng. Đồng thời triển khai các bước chuẩn bị dự án, thực hiện đầu tư các hạng mục: xây dựng kho chứa hàng mới, xây dựng cổng cảng + trạm cân 120 T, sửa chữa bãi phục vụ lắp đặt cầu RTG mới, xây dựng cầu cảng Phú Hữu giai đoạn 2...

- Năm 2017: Triển khai khối lượng cầu cảng Phú Hữu giai đoạn 2 là 9,8 tỷ đồng, xây dựng nhà kho mới nguyên giá 11,9 tỷ đồng, duy tu nâng cấp bãi phục vụ cầu RTG: 23,4 tỷ đồng, đầu tư 2 cầu RTG công nghệ mới 65,5 tỷ đồng, xây dựng trạm điện RTG xây dựng cơ bản 4,3 tỷ đồng, nạo vét khu nước cầu K15 1,7 tỷ đồng...

c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm (2015 - 2017)

- Trong năm 2014, Công ty thực hiện chủ trương hợp tác kinh doanh với đối tác chiến lược là Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn và Công ty TNHH Sài Gòn Container để khai thác Cảng Phú Hữu (đã được Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận). Năm 2015, Công ty đã thay đổi hình thức hợp tác kinh doanh khai thác Cảng Phú Hữu theo chủ trương chấp thuận của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (từ Công ty con chuyển thành Công ty liên kết).

- Kiểm toán Nhà Nước đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014, 2015 và Công ty đã thực hiện điều chỉnh sổ sách kế toán, thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà Nước.

- Tăng vốn điều lệ công ty từ 200 tỷ đồng lên 246,455 tỷ đồng (năm 2015).

- Thực hiện lộ trình cổ phần hóa theo quy định và lộ trình đã được Ủy ban Nhân dân Thành phố thông qua (năm 2015-2016). Đến cuối năm 2016, đã trình Ban chỉ đạo Cổ phần hóa hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để được Ủy ban Nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

- Trong 03 năm 2015-2017, Công ty tiếp tục đẩy mạnh phát triển dịch vụ Logistics và các dịch vụ cộng thêm khác. Năm 2016 - 2017, công ty đã xây dựng Đề án phát triển kinh doanh dịch vụ logistics Cảng Bến Nghé – Tổng Công ty SAMCO giai đoạn 2016 -

2020 và định hướng đến năm 2025.

- Năm 2017 Thanh tra Thành phố có đợt thanh tra toàn diện Tổng công ty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn TNHH một thành viên, trong đó có các nội dung liên quan đến sản xuất kinh doanh, cổ phần hóa của Công ty. Đến thời điểm hiện tại, hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của cảng đã trên 18 tháng, quá thời hạn công bố giá trị doanh nghiệp theo quy định tại thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần. Do đó công tác Cổ phần hóa chưa thể tiếp tục thực hiện.

d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thuận lợi: Công ty có kinh nghiệm và bề dày hoạt động trên thị trường dịch vụ cảng biển tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh; có vị trí địa lý thuận lợi cho giao thông thủy, bộ trong khu vực; cơ sở hạ tầng và phương tiện, thiết bị chuyên dụng cho khai thác cảng biển; sự năng động, tích cực, đoàn kết, quyết tâm thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ từ phía Tổng Công ty, các Ban ngành Thành phố.

- Khó khăn: Thời gian qua tốc độ phát triển cảng biển diễn ra khá nhanh, năng lực thông qua cụm cảng thành phố Hồ Chí Minh đã vượt cầu dẫn đến tình trạng cạnh tranh gay gắt; cơ sở hạ tầng cầu cảng trong những năm gần đây đã được tận dụng khai thác gần gấp đôi công suất thiết kế; mặt bằng kho bãi xuống cấp; tình trạng quá tải về phương tiện, thiết bị vốn đã thiếu hoặc đã sử dụng lâu năm, hay hư hỏng đột xuất; yêu cầu của chủ tàu ngày càng cao về thời gian giải phóng tàu, chất lượng dịch vụ xếp dỡ ... Ngoài ra những khó khăn về vốn cần thiết cho đầu tư cơ sở hạ tầng, hệ thống phương tiện thiết bị đồng bộ, hiện đại hơn cũng như việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao, điều này đã phần nào tạo áp lực lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng.

e) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu,...)

Triển vọng và kế hoạch trong tương lai: Thị trường dịch vụ cảng biển tiếp tục có sự cạnh tranh quyết liệt giữa các đơn vị, ngoài giá cả đã chuyển sang cạnh tranh về chất lượng dịch vụ, năng suất, hiệu quả. Trong thời gian tới, Công ty sẽ chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo chủ trương chung của Chính phủ. Công ty tiếp tục thực hiện định hướng là cảng biển hàng tổng hợp và container trong khu vực; từng bước đầu tư trang thiết bị, cơ sở hạ tầng, công nghệ và hệ thống quản lý cảng đồng bộ, hiện đại hơn; Chú trọng phát triển các dịch vụ khác bên cạnh những dịch vụ hiện có nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận; tiếp tục hợp tác với đối tác chiến lược để khai thác có hiệu quả Cảng Phú Hữu.

**BIỂU SỐ 1**  
**MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA**  
**DOANH NGHIỆP**

| T<br>T | Chỉ tiêu                              | ĐVT          | Thực hiện<br>năm 2015 | Thực hiện<br>năm 2016 | Thực hiện<br>năm 2017 | Ước thực hiện<br>năm báo cáo<br>(năm 2018) |
|--------|---------------------------------------|--------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|--|
| 1      | Sản lượng thông qua                   | Triệu<br>TTQ | 5,27                  | 5,91                  | 5,96                  | 5,10                                       |
|        | Trong đó                              |              |                       |                       |                       |  |
|        | - Container                           | 1000<br>Teus | 203,34                | 210,48                | 305,76                | 250,00                                     |
| 2      | Tổng doanh thu                        | Tỷ đồng      | 342,2                 | 441,6                 | 407,9                 | 415  |
| 3      | Lợi nhuận trước thuế                  | Tỷ đồng      | 58,3                  | 113,1                 | 126                   | 128  |
| 4      | Nộp ngân sách                         | Tỷ đồng      | 49,7                  | 47,1                  | 47,1                  | 49   |
| 5      | Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)          | 1000<br>USD  |                       |                       |                       |  |
| 6      | Sản phẩm dịch vụ công ích<br>(nếu có) |              |                       |                       |                       |  |
| 7      | Kế hoạch đầu tư phát triển            | Tỷ đồng      | 38                    | 126,6                 | 454,18                | 203,8                                      |
| a)     | - Nguồn ngân sách                     | “            |                       |                       |                       |  |
| b)     | - Vốn vay                             | “            |                       | 52,5                  | 447,5                 |  |
| c)     | - Vốn khác                            | “            | 38                    | 74,1                  | 6,68                  | 203,8                                      |
| 8      | Tổng lao động                         | Người        | 324                   | 330                   | 335                   | 354  |
| 9      | Tổng quỹ lương                        | Tỷ đồng      | 53,94                 | 88,8                  | 92,1                  | 97,3                                       |
| a)     | - Quỹ lương quản lý                   | Tỷ đồng      | 1,9                   | 2,3                   | 2,6                   | 3,4  |
| b)     | - Quỹ lương lao động                  | Tỷ đồng      | 52,04                 | 86,5                  | 89,5                  | 93,9                                       |

*Ghi chú: năm 2014, 2015 số liệu báo cáo đã qua kiểm tra tài chính của Tổng Công ty, Kiểm Toán NN, Chi cục TCDN. Số liệu năm 2016 theo báo cáo tài chính đã kiểm toán độc lập. Số nộp ngân sách: là số phát sinh trong kỳ các khoản phải nộp NSNN (không tính lợi nhuận sau phân phối phải nộp Tổng Công ty). Số năm 2017 là số liệu ước thực hiện.*

## 2. Tình hình đầu tư tại các Công ty con

- Danh sách các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ: Công ty Cổ phần Cảng Phú Hữu (năm 2013, 2014). Từ 2015 đổi tên là Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu. Năm 2015, Công ty này thuộc loại Công ty liên kết do tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ < 50%.

- Tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này: góp 85% vốn điều lệ (68 tỷ đồng). Từ năm 2015, vốn góp chiếm tỷ lệ 45,15% (tính theo giá trị cổ phần tại công ty liên kết).

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này: do vấn đề đường giao thông vào Cảng Phú Hữu tồn tại nhiều năm chưa được giải quyết, nên năng suất khai thác và hiệu quả kinh doanh thấp trong các năm 2014 về trước. Từ năm 2015, thực hiện chủ trương tái cơ cấu hợp tác với Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu dần được cải thiện (sản lượng khai thác tăng cao, doanh thu tăng, có lãi...).

